

phương nghiên cứu giải quyết những ý kiến bất đồng giữa hai bên. Nếu các cơ quan được ủy ban hành chính ủy nhiệm không giải quyết được thì báo cáo đề ủy ban hành chính quyết định.

Hợp đồng tập thề sau khi đã đăng ký, hai bên giám đốc và Ban chấp hành công đoàn cần phải nghiêm chỉnh thực hiện, nếu thiếu tinh thần trách nhiệm mà không làm đúng những điều đã cam kết sẽ bị thi hành kỷ luật tùy theo lỗi nặng hay nhẹ (không thực hiện đầy đủ những điều đã ghi vào hợp đồng mà không có lý do chính đáng thì coi là thiếu tinh thần trách nhiệm. Nếu đã tận dụng hết khả năng của mình mà vẫn không thực hiện được và được tập thề xác nhận thì coi là do nguyên nhân khách quan). Ủy ban hành chính địa phương quyết định kỷ luật đối với những cán bộ thuộc ủy ban quản lý còn đối với những cán bộ do cấp trên quản lý thì ủy ban xét và đề nghị kỷ luật. Liên hiệp công đoàn tỉnh hay thành phố trực thuộc trung ương quyết định kỷ luật đối với Ban chấp hành công đoàn cơ sở. Nếu có trường hợp do thiếu tinh thần trách nhiệm trong việc thi hành hợp đồng tập thề mà gây ra thiệt hại lớn đến tài sản Nhà nước hoặc tính mạng của công nhân, viên chức thì có thể bị truy tố trước tòa án.

V. PHẠM VI THI HÀNH

Chế độ ký kết hợp đồng tập thề được áp dụng cho tất cả các xí nghiệp, công trường, nông trường, lâm trường, đoàn xe, cửa hàng, khách sạn... thuộc trung ương và địa phương kể cả xí nghiệp công tư hợp doanh.

Những xí nghiệp có kế hoạch sản xuất và công đoàn đã được củng cố, thì đó là những điều kiện để tiến hành ký kết hợp đồng tập thề; khi tiến hành sẽ dựa vào bản kế hoạch hướng dẫn và tham khảo hợp đồng mẫu kèm theo thông tư này.

Các bộ, các cơ quan ngang bộ, các tổng cục trực thuộc Hội đồng Chính phủ, các ủy ban hành chính khu, thành, tỉnh trong khi thực hiện nhiệm vụ đôn đốc, kiểm tra, đúc rút kinh nghiệm, yêu cầu gửi báo cáo thường kỳ về kết quả và kinh nghiệm thực hiện chế độ ký kết hợp đồng tập thề cho bộ Lao động và Tổng Công đoàn để phổ biến chung và báo cáo lên Phủ Thủ tướng.

Chế độ ký kết hợp đồng tập thề là chế độ mới, chúng ta còn ít kinh nghiệm, trong khi thực hiện nếu gặp mắc mứu mong các ngành,

các cấp phản ánh kịp thời cho bộ Lao động và Tổng Công đoàn biết để cùng tham gia giải quyết.

Hà nội, ngày 24 tháng 12 năm 1963

Bộ trưởng Bộ Lao động
NGUYỄN VĂN TẠO

TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

QUYẾT ĐỊNH số 775-LN-QĐ ban hành chế độ tạm thời về chăm sóc, bảo vệ, huấn luyện và sử dụng voi trong ngành lâm nghiệp.

TỔNG CỤC TRƯỞNG TỔNG CỤC LÂM NGHIỆP

Căn cứ nghị định số 140-CP ngày 29-9-1961 quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy Tổng cục lâm nghiệp;

Theo đề nghị của ông Cục trưởng Cục Công nghiệp rừng,

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. — Nay ban hành chế độ tạm thời về chăm sóc, bảo vệ, huấn luyện và sử dụng voi trong ngành lâm nghiệp.

Điều 2. — Các ông Cục trưởng Cục công nghiệp rừng, Trưởng ban Thanh tra (Tổng cục), Giám đốc các lâm trường trực thuộc, Trưởng ty lâm nghiệp chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Hà nội, ngày 18 tháng 11 năm 1963

Tổng cục trưởng
Tổng cục lâm nghiệp
NGUYỄN TẠO

CHẾ ĐỘ TẠM THỜI

về chăm sóc, bảo vệ, huấn luyện và sử dụng voi trong ngành lâm nghiệp.

Tổng cục quy định chế độ này làm cơ sở để tổ chức việc chăm sóc, bảo vệ, huấn luyện và

sử dụng voi trong ngành lâm nghiệp, bảo đảm giữ cho voi được luôn luôn béo khỏe phục vụ tốt kế hoạch vận xuất gỗ.

Chương I

CHĂM SÓC VÀ BẢO VỆ VOI

Điều 1. — Hàng ngày voi phải được ăn no, đủ khẩu phần quy định như sau :

a) Ngày voi làm việc :

- Gạo: 10kg hoặc khoai sắn từ 15 đến 20kg.
- Đường: 1kg, hoặc mía từ 10 đến 15kg.
- Các chất xanh như: cây ngô, cây chuối, các lá cây rừng, cỏ từ 100 đến 120kg.
- Muối từ 200 gam đến 300 gam.

b) Ngày voi không làm việc :

- Gạo: từ 6 đến 8kg hoặc khoai sắn từ 10 đến 15kg.
- Đường: 1kg, hoặc mía từ 8 đến 10kg.
- Cây ngô 20kg, còn các thứ lá xanh khác thì đi chẵn trong rừng cho voi ăn đủ.
- Muối 200 gam.

c) Khẩu phần bồi dưỡng cho voi phải nghỉ việc vì ốm đau, yếu, chữa để.

- Gạo: từ 10 đến 12kg hoặc khoai sắn 20kg.
- Đường: 2kg, hoặc mía từ 15 đến 20kg.
- Cây ngô hoặc chất xanh khác từ 100kg đến 120kg và chẵn trong rừng cho ăn các thứ lá cây, cỏ v.v...
- Muối từ 200 đến 300 gam.

Điều 2. — Đề bảo đảm có đủ thức ăn cho voi các ty, các lâm trường có nuôi voi phải có kế hoạch trồng ngô, khoai, sắn, mía đủ cung cấp cho mỗi voi mỗi năm :

- Từ 7 đến 8 tấn cây ngô tươi.
- Từ 6 đến 8 tấn củ khoai hoặc sắn,
- Từ 6 đến 7 tấn mía tươi.

Điều 3. — Phải thường xuyên giữ vệ sinh về ăn uống cho voi, thức ăn, nước uống của voi phải được kiểm tra và có biện pháp khử các loại côn trùng và chất độc trước khi cho voi ăn uống :

- Sắn phải bóc vỏ, ngâm nước để tẩy chất nhựa độc.
- Gạo, sắn, khoai phải nấu chín.
- Tuyệt đối không cho voi ăn lá cây có nhựa độc.

Điều 4. — Voi phải luôn luôn được giữ gìn sạch sẽ

Về mùa nóng, phải bố trí bến suối, ao, sông cho voi tắm, mỗi ngày phải cho voi tắm từ một đến hai lần và khi tắm phải có bàn chải cọ sạch cho voi.

Về mùa rét, hai ngày chải cọ cho voi một lần, cho voi uống nước ấm có pha muối.

Điều 5. — Phải thường xuyên theo dõi sức khỏe, có lý lịch ghi tình hình sức khỏe, số ngày làm việc và năng suất của voi. Trước, trong, và sau khi làm việc phải kiểm tra sức khỏe. Nếu có hiện tượng voi đau ốm thì phải kịp thời cho nghỉ, bồi dưỡng, và chữa bệnh cho voi, và báo cáo ngay về cho Tổng cục.

Phải nắm vững đặc tính của voi, biết những thời gian voi có chuyển động trong cơ thể, thời gian động đực. Trong những thời gian này voi thường trở nên hung dữ và không chịu làm việc, nên phải kịp thời cho voi nghỉ và có biện pháp chăm sóc đặc biệt.

Khi trời đang rét chuyển đột ngột sang nóng, hoặc đang nóng chuyển sang rét, phải có kế hoạch phòng bệnh và căn cứ tình hình thực tế mà giảm nhẹ một phần thời gian làm việc cho voi.

Hàng năm phải dự trữ đủ thuốc phòng và thuốc chữa bệnh cho voi, ít nhất mỗi năm phải tiêm phòng hai lần. Thú y sĩ hoặc y tá phải thường xuyên chăm sóc sức khỏe và chữa bệnh cho voi.

Điều 16. — Phải bảo đảm có chòi (chuồng, trại) cho voi ở, chòi voi phải sạch sẽ, cao ráo, thoáng mát, xa nhà ở, xa hoa màu.

Cạnh chòi phải có bể nước cho voi uống, có rãnh thoát nước. Hồ phân phải để xa chòi ít nhất là 30 mét.

— Mùa rét phải có phen che kín chỗ voi ở.

Mỗi ngày phải dọn vệ sinh chòi voi một lần, phải thường xuyên hun chòi để tiêu diệt các loại ruồi, mòng, muỗi v.v...

Điều 7. — Phải có kế hoạch bảo vệ, chống voi rừng. Ban đêm phải cử người luân phiên trông nom voi. Khi có hiện tượng voi phá phách hoặc đứt xích đi mất phải cử người đi tìm ngay.

Chương II

HUẤN LUYỆN VÀ SỬ DỤNG VOI

Điều 8. — Phải luyện cho voi có tính tốt ngay từ lúc đầu, nhất là lúc mới tập kéo gỗ. Không làm cho voi giận dữ, khi voi đã nổi xung thì phải hết sức bình tĩnh luyện cho voi dịu lại. Tuyệt đối không được đánh đập voi hoặc bắt voi làm việc quá sức.

Phải luyện cho voi kéo từ dễ đến khó, từ nhẹ đến nặng, tuần thực từng động tác, nhất là những động tác cơ bản. Phải luyện ngay từ lúc đầu cho voi mới tập kéo chấp hành đúng chế độ quy định.

Anh em quản tượng cố gắng luyện cho voi có cảm tình tốt với mình.

Điều 9. — Khi voi kéo gỗ phải có xích kéo khỏe, có chẵn cuốn ách cò, người điều khiển phải có búa quản voi. Sử dụng voi phải cho hợp lý, phải tùy theo loại voi, loại đường, loại gỗ mà định khối lượng kéo cho thích hợp.

Mức kéo gỗ từng chuyến của một con voi ở điều kiện loại đường, loại gỗ trung bình quy định như sau:

Voi khỏe: từ $2m^3200$ đến $3m^3500$

Voi trung bình từ $1m^3800$ đến $2m^3800$

Voi mới tập kéo, lúc đầu cho kéo nhẹ từ $0m^3400$, $0m^3500$ đến $1m^3$ rồi hàng năm tùy theo mức độ tuần thực mà tăng dần lên mức bình thường.

Điều 10. — Cự ly kéo gỗ của voi quy định từ 1km đến 2km. Không được bắt voi kéo vượt quá cự ly 2km. Nếu đường quá khó khăn thì có thể rút cự ly xuống dưới 1km. Khi gỗ vướng mắc không được bắt voi kéo bừa, làm hại sức khỏe của voi.

Điều 11. — Chỉ nên để voi làm việc vào buổi sáng, buổi chiều cho voi nghỉ.

— Về mùa hè, mỗi ngày để voi làm việc 6 tiếng (từ 5 giờ đến 11 giờ).

— Về mùa đông mỗi ngày để voi làm việc từ 5 tiếng 1/2 đến 6 tiếng (bắt đầu làm từ 6 giờ hoặc 6 giờ 30).

— Mỗi tháng chỉ để voi làm việc từ 18 đến 20 ngày.

— Nên bố trí cho voi làm việc vào những ngày mát.

Chương III

QUY ĐỊNH VỀ TRÁCH NHIỆM VÀ THƯỞNG PHẠT

Điều 12. — Cục Công nghiệp rừng có trách nhiệm hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc việc thực hiện chế độ này ở tất cả các ty, các lâm trường hiện có voi và phải trực tiếp theo dõi, chỉ đạo một vài cơ sở để rút kinh nghiệm phát hiện các vấn đề cần đề nghị bổ sung chế độ.

Điều 13. — Các ty, các lâm trường có trách nhiệm tổ chức việc thực hiện chế độ này ở các cơ sở có voi và phải theo dõi sát việc thực hiện chế độ này ở từng cơ sở. Mỗi quý các ty, các lâm trường phải kiểm tra các cơ sở có voi ít nhất ba lần có ghi ý kiến nhận xét vào sổ theo dõi.

Điều 14. — Đội trưởng, tổ trưởng các đội, tổ vận xuất có sử dụng voi phải thường xuyên bàn bạc với anh em công nhân quản voi thực hiện tốt chế độ này.

Anh em công nhân quản voi phải đề cao tinh thần trách nhiệm, tinh thần làm chủ, tích cực thực hiện chế độ. Khi gặp khó khăn phải kịp thời phản ánh với tổ, đội, lâm trường để giải quyết nhằm luôn luôn bảo đảm cho voi béo khỏe, kéo gỗ năng suất cao phục vụ tốt cho kế hoạch Nhà nước.

Điều 15. — Tổ, đội vận xuất và công nhân quản voi hàng ngày trước khi sử dụng voi kéo gỗ phải hội ý để bố trí khối lượng kéo, chặng đường cho đúng chế độ và hợp với điều kiện sức khỏe của voi. Hàng tuần, hàng tháng tổ, đội vận xuất và công nhân quản voi phải cùng nhau kiểm điểm việc sử dụng voi: khối lượng gỗ đã kéo, cự ly đường, cách điều khiển voi, cách sắp xếp gỗ tại bãi v.v... để rút kinh nghiệm thực hiện tốt chế độ.

Điều 16. — Hàng tháng, hàng quý, hàng năm các tổ, đội vận xuất có voi phải báo cáo cho các ty, các lâm trường về việc thực hiện chế độ.

Các ty, các lâm trường phải theo dõi sát việc thực hiện chế độ ở các cơ sở và hàng năm phải có đề nghị khen thưởng đối với những tổ, đội, những công nhân quản voi có thành tích trong việc thực hiện chế độ.

Ngoài việc khen thưởng theo chế độ chung của Nhà nước, các công nhân quản voi có thành tích nuôi voi béo khỏe và sử dụng voi đúng chế độ, hàng năm Giám đốc lâm trường có trách nhiệm xét đề nghị lên Tổng cục đặc biệt khen thưởng, hoặc lâm trường xét tăng cấp, cấp tiền thưởng.

Điều 17. — Mỗi khi có xảy ra những hiện tượng voi bị thương, voi bị chết, voi đi mất, các tổ, đội vận xuất phải lập biên bản quy trách nhiệm rõ ràng báo cáo ngay lên ty hoặc lâm trường sở quan và Tổng cục. Nhận được biên bản Ban thanh tra Tổng cục cùng với ty, lâm trường phải cử người đến điều tra tại chỗ để có kết luận rõ ràng.

Đối với những tổ trưởng, đội trưởng, quản voi không chấp hành đúng chế độ đề xây ra những hiện tượng nói trên thì ngoài việc thi hành kỷ luật hành chính thích đáng còn có thể bị truy tố trước tòa án.

Điều 18. — Các ông Cục trưởng Cục Công nghiệp rừng, Trưởng ban thanh tra (Tổng cục) Giám đốc các lâm trường trực thuộc, Trưởng ty lâm nghiệp chịu trách nhiệm thi hành chế độ này.

Ban hành kèm theo quyết định số 775-LN-QĐ ngày 18 tháng 11 năm 1963.

Hà nội, ngày 18 tháng 11 năm 1963.

Tổng cục trưởng Tổng Cục Lâm nghiệp

NGUYỄN TẠO

**ỦY BAN KIẾN THIẾT
CƠ BẢN NHÀ NƯỚC**

QUYẾT ĐỊNH số 1.030-UB-ĐM ban hành điều lệ về xây dựng và quản lý đơn giá kiến thiết cơ bản.

**CHỦ NHIỆM
ỦY BAN KIẾN THIẾT
CƠ BẢN NHÀ NƯỚC**

Căn cứ theo nghị định số 209-CP ngày 12-12-1962 của Hội đồng Chính phủ quy định nhiệm vụ, quyền hạn và tổ chức bộ máy của Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước;

Căn cứ theo nhu cầu công tác xây dựng cơ bản;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. — Nay ban hành kèm theo quyết định này bản điều lệ xây dựng và quản lý đơn giá kiến thiết cơ bản.

Điều 2. — Bản điều lệ này áp dụng cho việc lập đơn giá và quản lý đơn giá chung đối với các công trình kiến thiết cơ bản.

Điều 3. — Quyết định này thi hành kể từ ngày 1-1-1964.

Hà nội, ngày 31 tháng 12 năm 1963

K.T. Chủ nhiệm

Ủy ban Kiến thiết cơ bản Nhà nước

Phó Chủ nhiệm

TRẦN ĐẠI NGHĨA

**ĐIỀU LỆ VỀ XÂY DỰNG
VÀ QUẢN LÝ ĐƠN GIÁ
KIẾN THIẾT CƠ BẢN**

Chương 1

VỊ TRÍ VÀ TÁC DỤNG CỦA ĐƠN GIÁ

Nghị quyết hội nghị Trung ương lần thứ 8 đã chỉ rõ «Phải ra sức phấn đấu hạ giá thành và nâng cao chất lượng xây dựng... quản lý chặt chẽ sử dụng vật liệu và áp dụng các định mức tiến bộ hơn... tăng cường công tác lập đơn giá, định mức dự toán làm cơ sở thực hiện tốt hạch toán kinh tế trong ngành xây dựng...». Nghị quyết của Bộ chính trị về cuộc vận động «ba xây, ba chống» đã chỉ rõ «Đưa vào nề nếp và quy củ việc chấp hành các chính sách, chế độ, thể lệ về kinh tế tài chính, bổ sung những điểm còn thiếu, sửa đổi những điểm chưa hợp lý, nghiên cứu và ban hành các chính sách, chế độ, thể lệ cần thiết».

Vấn đề tiết kiệm trong xây dựng cơ bản là một vấn đề toàn diện từ lúc thiết kế, trong lúc thi công đến khi hoàn thành công trình; từ vấn đề sử dụng vật liệu, nhân công, máy móc tới việc quản lý tài chính, khâu nào cũng phải phấn đấu chống lãng phí, thực hành tiết kiệm đề hạ giá thành xây lắp.

Do đó, tăng cường việc xây dựng và quản lý đơn giá kiến thiết cơ bản là một trong những biện pháp chủ yếu có khả năng tiết kiệm và nâng cao hiệu suất vốn đầu tư của Nhà nước, góp phần chống ứ đọng vốn, hạn chế tình trạng thiếu hụt vốn trong thi công, chống tham ô, lãng phí đề hoàn thành kế hoạch Nhà nước một cách toàn diện.

Đơn giá kiến thiết cơ bản là những chỉ tiêu tổng hợp về kinh tế và kỹ thuật, nó chỉ rõ giá một đơn vị khối lượng của các loại kết cấu hình thành nên công trình. Yếu tố cấu thành quan trọng của nó là đơn giá vật liệu, định mức nhân công, định mức vật liệu và định mức máy thi công. Khi lập dự toán căn cứ vào đơn giá mà lên giá xây lắp của công trình. Khi thiết kế, cần căn cứ vào đơn giá để chọn phương án tốt nhất và tiết kiệm nhất.

Số vốn do Nhà nước đầu tư vào một công trình nào là dựa vào dự toán của công trình đó, và khi dự toán của công trình đó được phê chuẩn sẽ là căn cứ để ký hợp đồng bao thầu, đề cấp phát và thanh quyết toán. Do đó việc xây dựng một dự toán cho phù hợp với nguyên tắc tiết kiệm là một phương sách quan